

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Tố Như

2. Bà Lê Thị Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1992. Nơi cư trú: xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Â**, sinh năm 1989. Nơi cư trú: xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Â tự nguyện đăng ký kết hôn và được UBND xã V, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn số 94 ngày 29/11/2016. Sau khi kết hôn cuộc sống bình thường nhưng đến năm 2017 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về tính cách, quan điểm sống, ông Â thiếu trách nhiệm với gia đình, đánh bài, uống rượu, thậm chí

còn đánh vợ dẫn đến tình trạng vợ chồng hay tranh cãi và không còn sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm lẫn nhau, mạnh ai nấy sống, bà xác định không còn tình cảm với ông A nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Xuân Tr, sinh ngày 06/11/2019 hiện đang ở với bà và Nguyễn Thùy D, sinh ngày 19/5/2017 hiện đang ở với ông A. Ly hôn bà đồng ý giao cháu D cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông A tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Ông A đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 cho bà H ly hôn với ông A vì mục đích hôn nhân không đạt; giao con chung Nguyễn Xuân Tr cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con; giao con chung Nguyễn Thùy D cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn A đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng, nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông A hiện cư trú tại xã L, thành phố B. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo

quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông A là hợp pháp do hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, bà H yêu cầu được ly hôn với ông A. Hội đồng xét xử động viên bà H đoàn tụ, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng bà H kiên quyết ly hôn, không đồng ý tiếp tục cùng ông A chung sống vì không còn tình cảm với chồng và xác định cuộc sống vợ chồng không thể hòa hợp được. Xét thấy qua xác minh thực tế tại chính quyền địa phương và hàng xóm thì ông A và bà H đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai nấy sống. Do đó, thực trạng quan hệ hôn nhân của bà H và ông A đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[4]. Ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Xuân Tr, sinh ngày 06/11/2019 và đồng ý giao con chung tên Nguyễn Thùy D, sinh ngày 19/5/2017 cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy cháu Tr dưới 36 tháng tuổi và hiện đang được mẹ trực tiếp chăm sóc, nên căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Tr cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên, bà H không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi cháu Tr nên không xem xét.

Đối với cháu D qua xác minh chính quyền địa phương và hàng xóm thì hiện cháu đang được ông A trực tiếp chăm sóc, bà H cũng đồng ý giao cháu D cho ông A nuôi dưỡng nên để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, giao cháu D cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

[5]. Bà H xác định tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có nên không đề cập.

[6]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị H ly hôn ông Nguyễn Văn A.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Nguyễn Xuân Tr, sinh ngày 06/11/2019 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Bà H không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi cháu Tr.

Giao con chung tên Nguyễn Thùy D, sinh ngày 19/5/2017 cho ông A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004990 ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND TP. Bảo Lộc (1);
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc (1);
- UBND X. V, H. N, T. Nghệ An (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc